

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/ HS-ST
Ngày: 30 / 3 / 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Trường T, sinh năm 1991, Quê quán: huyện HN, ĐT; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Lợi B, xã PT, huyện HN, tỉnh ĐT; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; con ông Bùi Nhựt O, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là người cuối cùng.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 17/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT, kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/01/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang kết án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; các bản án đã chấp hành xong, xóa án tích.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/12/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trương Hữu TR, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 4, khóm VT, phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Nhựt O, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện TN, tỉnh ĐT, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Mỹ Thi, sinh năm 1949, vắng mặt;
2. Ông Thái Minh TR, sinh năm 1981, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 10/7/2019, Bùi Trường T đi bộ đến khu vực tổ 25, khóm Vĩnh Tây 1, phường NS, thành phố X, nhìn thấy phòng trọ số 02, do Trương Hữu TR đang ở thuê không khóa cửa; T lên vào lấy 02 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 và OPPO A71. T giao bán cho Thanh (không rõ lai lịch; khu vực cầu Ba Nhịp, xã Vĩnh Tế, thành phố X) điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J7, đổi mua 04 tốp ma túy sử dụng; bán điện thoại A71 tại cửa hàng điện thoại di động (không rõ địa chỉ cụ thể), được 1.600.000 đồng, mua ma túy sử dụng.

Khi phát hiện mất trộm, bị hại Trương Hữu TR trình báo Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ do Bùi Trường T giao nộp: 01 xe mô tô, nhãn hiệu WAVE, biển số 70h4-0309, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe (đã trao trả cho chủ sở hữu Bùi Nhựt O); 02 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 prime và ASUS (đã chuyển giao Cơ quan Thi hành án dân sự).

Căn cứ kết luận định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố X số 351/KL-ĐG, ngày 15/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X, ghi nhận: điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG J7 Pro, trị giá 800.000 đồng; điện thoại OPPO A71, trị giá 1.600.000 đồng. Tổng trị giá, Bùi Trường T chiếm đoạt trong vụ án 2.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố X đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án, truy nã; Ngày 10/12/2020 Bùi Trường T bị bắt trong trường hợp có quyết định truy nã, tạm giam, điều tra, xử lý.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 05 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Bùi Trương T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

+ Khẳng định Cáo trạng số 18 ngày 05/3/2021 của VKSND TP X truy tố bị cáo Bùi Trường T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên giữ nguyên quan điểm truy tố.

+ Đề nghị xử lý:

a) Về trách nhiệm hình sự:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Trường T 01 năm đến 02 năm tù Về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong vụ án gồm 01 xe mô tô, nhãn hiệu WAVE, biển số 70H4 - 0309, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe. Về nguồn gốc xe là của Bùi Nhựt O (cha ruột của T), dùng sinh hoạt gia đình, T mượn sử dụng khi bị bắt truy nã. Hiện O có đơn xin và đã được trao trả nên không đề cập giải quyết.

Đối với 02 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime và ASUS thu giữ là tài sản riêng của bị cáo Bùi Trường T đề nghị trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án.

c) Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Hữu TR yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt 2.400.000 đồng. Xét yêu cầu này có căn cứ, đúng luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường khoản tiền chiếm đoạt 2.400.000 đồng.

d) Vấn đề khác: Trường hợp Ngày 03/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ khởi tố, điều tra, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; đã có văn bản yêu cầu phối hợp, nhưng không phúc đáp. Do vậy, cơ quan tiến hành tố tụng thành phố X, quyết định xử lý vụ án theo thẩm quyền luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Trường T thừa nhận khoảng 03 giờ ngày 10/7/2019 bị cáo đi đến khu vực tổ 25, khóm Vĩnh Tây 1, phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang, tìm tài sản lấy trộm. Khi đi nhìn thấy phòng trọ số 02, T phát hiện phòng trọ này không khóa cửa, T lên vào phòng lấy trộm 02 điện thoại rồi đi ra ngoài. T giao cho Thanh (không rõ lai lịch) điện thoại SAMSUNG, bán đôi 04 tếp ma túy sử dụng; Riêng chiếc điện thoại OPPO A71 bán tại cửa hàng điện thoại di động (không rõ địa chỉ), được số tiền 1.600.000 đồng, mua ma túy sử dụng hết.

[4] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp các biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường tại nơi xảy ra vụ án; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 351/KL-ĐG ngày 15/9/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X. Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai bị hại Trương Hữu TR, những người làm chứng, liên quan như Lê Thị Mỹ Thi, Thái Minh TR, Bùi Thị Nương, Bùi Nhật O, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định.

[5] Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 điện thoại di động của ông Trương Hữu TR, trị giá tài sản 2.400.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố Bùi Trường T về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[6] Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để được sở hữu tài sản người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại để mua ma túy sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, ngày 17/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT, kết án 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày

21/01/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang, kết án 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, xét bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động; thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[9] Về xử lý vật chứng: 02 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime và ASUS. Xét đây là tài sản riêng của bị cáo không dùng vào việc phạm tội, nên giao trả lại cho bị cáo, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Hữu TR có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại các tài sản bị mất trộm, nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 2.400.000 đồng.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Trường T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bùi Trường T: 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 10/12/2020 (*mười tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Giao trả cho bị cáo Bùi Trường T: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, màu vàng, số kiểu máy: SM6610F10S, số seri: R58J93C8JWA, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUS, model ZOOLD, imei: 35486077506341, imei: 354865077506358, màu đen, không gắn pin, đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 04 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X).

Buộc bị cáo Bùi Trường T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Trương Hữu TR số tiền 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Trường T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Bùi Trường T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trương Hữu TR, Bùi Nhật O là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân X (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp, tỉnh An Giang (1);
- Nhà Tạm giữ - Công an X (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự X (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc